BẢN ĐỒ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA SÔNG DINH

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG KỊCH BẢN

STT	Tên đoạn sông	Tên sông	Lưu vực sông	Chiều dài đoạn sông	Địa giới hành chính	Chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá theo từng kịch bản: Kịch bản cơ sở – QCVN 08:2023/BTNMT	Kịch bản cơ sở – Khả năng chịu tải (kg/ngày)	Kịch bản theo mục đích sử dụng nước – QCVN 08:2023/BTNMT	Kịch bản theo mục đích sử dụng nước – Khả năng chịu tải (kg/ngày)	Ghi chú
1	SD1	Sông Dinh	Sông Dinh	18,7	Xã Bố Trạch; xã Nam Trạch	Tổng N	B	156	A	-532	
						Tổng P	A	38	A	38	
						NH_4^+	A	71	A	71	
						BOD_5	A	683	A	683	
						COD	A	2.638	A	2.638	
						TSS	A	4.243	A	4.243	
						Tổng dầu mỡ	A	1.949	A	1.949	
2	SD2	Sông Dinh	Sông Dinh	10,4	Xã Nam Trạch	Tổng N	B	99	A	-651	
						Tổng P	A	46	A	46	
						NH_4^+	A	130	A	130	
						BOD_5	A	1.075	A	1.075	
						COD	A	3.015	A	3.015	
						TSS	A	4.120	A	4.120	
						Tổng dầu mỡ	A	2.233	A	2.233	
3	SD3	Sông Dinh	Sông Dinh	9,2	Xã Nam Trạch, xã Hoàn Lão	Tổng N	B	86	B	86	
						Tổng P	A	65	B	243	
						NH_4^+	A	161	B	-	
						BOD_5	A	768	B	2.077	
						COD	A	2.906	B	5.642	
						TSS	A	6.464	B	45.344	
						Tổng dầu mỡ	A	2.436	B	-	

Ghi chú: "-" là thông số không có giá trị giới hạn tương ứng đối với chất lượng nước sông theo QCVN 08:2023/BTNMT

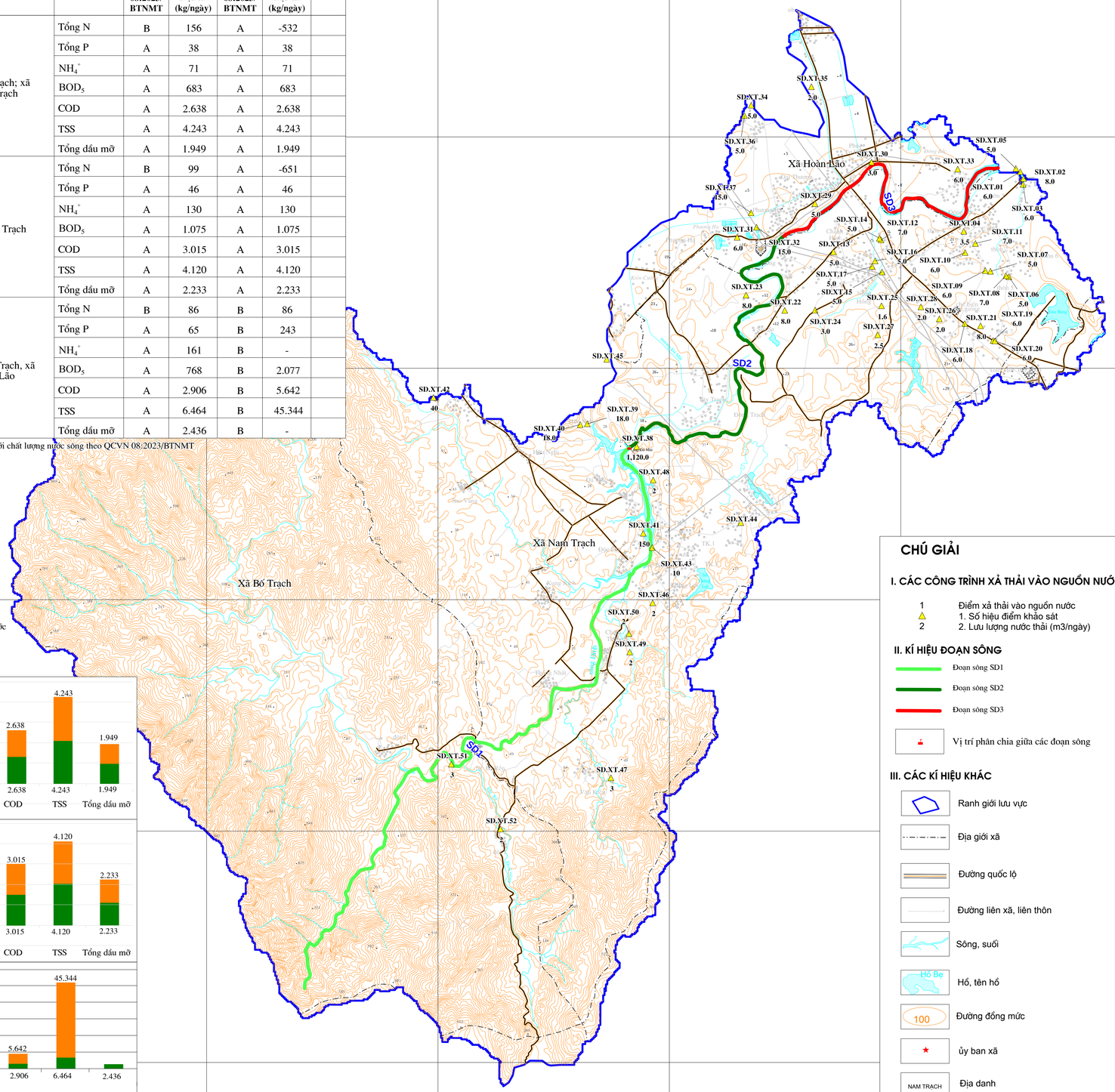

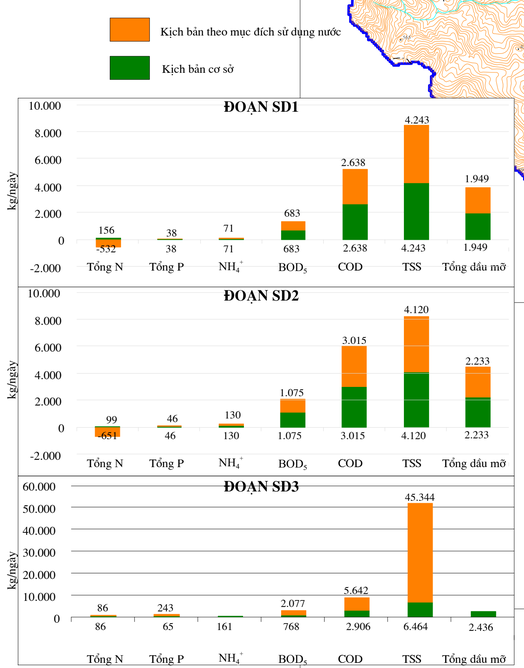

CHÚ GIẢI

I. CÁC CÔNG TRÌNH XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

1 Điểm xả thải vào nguồn nước

1. Số hiệu điểm khảo sát
2. Lưu lượng nước thải (m3/ngày)

II. KÍ HIỆU ĐOẠN SÔNG

- Đoạn sông SD1
- Đoạn sông SD2
- Đoạn sông SD3
- Vị trí phân chia giữa các đoạn sông

III. CÁC KÍ HIỆU KHÁC

- Ranh giới lưu vực
- Địa giới xã
- Đường quốc lộ
- Đường liên xã, liên thôn
- Sông, suối
- Hồ, tên hồ
- Đường đồng mức
- ủy ban xã
- Địa danh

TỶ LỆ 1:50.000

1cm trên bản đồ bằng 500m ngoài thực tế

BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM XẢ THẢI LƯU VỰC SÔNG DINH

STT	Số hiệu	Tên cơ sở có điểm xả nước thải	Thôn, xóm	Xã/phường	Lưu lượng nước thải (m3/ngày đêm)	Nguồn phát sinh	Nguồn tiếp nhận
1	SD.XT.01	Khu dân cư thôn Nhân Hải	Nhân Hải	Nam Trạch	6.0	Sinh hoạt, dịch vụ	Suối Ngòi Trong
2	SD.XT.02	Khu chợ và dân cư thôn Nhân Tiến	Nhân Tiến	Nam Trạch	8.0	Sinh hoạt, dịch vụ	Suối Ngòi Trong
3	SD.XT.03	Khu dân cư thôn Nhân Tiến	Nhân Tiến	Nam Trạch	6.0	Sinh hoạt, dịch vụ	Suối Ngòi Trong
4	SD.XT.04	Khu dân cư thôn 4	Thôn 4	Lỹ Trạch	3.5	sinh hoạt	Hệ thống thoát nước chung
5	SD.XT.05	Khu dân cư thôn 9	Thôn 9	Lỹ Trạch	5.0	sinh hoạt	Suối Ngòi Trong
6	SD.XT.06	Trại chăn nuôi heo ông Vinh	Thôn 6	Lỹ Trạch	5.0	Chăn nuôi	Suối thoát ra ruộng
7	SD.XT.07	Trại chăn nuôi heo Nguyễn Văn Tiến	Thôn 6	Lỹ Trạch	5.0	Chăn nuôi	Kênh thoát nước dẫn ra ruộng
8	SD.XT.08	Trại chăn nuôi Nguyễn Văn Long	Thôn 6	Lỹ Trạch	7.0	Chăn nuôi	ruộng
9	SD.XT.09	Trại chăn nuôi heo Nguyễn Văn Son	Thôn 6	Lỹ Trạch	6.0	Chăn nuôi	ruộng
10	SD.XT.10	Khu dân cư thôn 2	Thôn 2	Lỹ Trạch	6.0	Sinh hoạt, chăn nuôi	ruộng
11	SD.XT.11	Trại chăn nuôi Lê Văn Hồi	Thôn 3	Lỹ Trạch	7.0	Chăn nuôi heo	ruộng
12	SD.XT.12	Trại chăn nuôi Lê Tài Kênh	Thôn 5, Nhân Hồng	Nam Trạch	7.0	Chăn nuôi	Suối khe Giao
13	SD.XT.13	Khu dân cư thôn Nhân Hồng	Thôn Nhân Hồng	Nam Trạch	5.0	sinh hoạt	Suối khe Giao
14	SD.XT.14	Khu dân cư, chăn nuôi thôn Nhân Hồng	Thôn Nhân Hồng	Nam Trạch	5.0	Sinh hoạt, chăn nuôi	Suối khe Giao
15	SD.XT.15	Khu dân cư thôn Nam Hồng	Thôn Nam Hồng	Nam Trạch	5.0	sinh hoạt	Suối khe Giao
16	SD.XT.16	Khu dân cư, chăn nuôi thôn Nam Hồng	Thôn Nam Hồng	Nam Trạch	5.0	Sinh hoạt và chăn nuôi	Suối khe Giao
17	SD.XT.17	Xả thải khu dân cư, nông nghiệp	Thôn Nam Hồng	Nam Trạch	5.0	sinh hoạt, nông nghiệp	Ra ruộng lúa nước
18	SD.XT.18	Khu dân cư và sản xuất kinh doanh	Thôn 7	Lỹ Trạch	6.0	Sinh hoạt, sản xuất	Suối chảy ra ruộng
19	SD.XT.19	Khu dân cư và sản xuất kinh doanh, buôn bán	Thôn 7	Lỹ Trạch	6.0	Sinh hoạt, sản xuất	Suối chảy ra ruộng
20	SD.XT.20	Khu dân cư và sản xuất, kinh doanh, buôn bán	Thôn 7	Lỹ Trạch	6.0	Sinh hoạt, sản xuất	Suối chảy ra ruộng
21	SD.XT.21	Khu dân cư và sản xuất, buôn bán	Thôn 7	Lỹ Trạch	8.0	Sinh hoạt, sản xuất	Suối chảy ra ruộng
22	SD.XT.22	Trại chăn nuôi heo Lê Thị Thoại	Thôn Sao Sa	Nam Trạch	8.0	Chăn nuôi	Kênh nội đồng
23	SD.XT.23	Trại chăn nuôi Lê Thị Quỳnh, xóm chợ Rớ	Thôn Sao Sa	Nam Trạch	8	Chăn nuôi	Kênh nội đồng
24	SD.XT.24	Trại chăn nuôi Phan Xuân Đồng	Thôn Sao Sa	Nam Trạch	3	Chăn nuôi	Trũng thấp sau trại
25	SD.XT.25	Nhà máy gạch không nung	Thôn 8	Lỹ Trạch	2	sinh hoạt	Mương thoát nước của công ty
26	SD.XT.26	Trại nuôi heo Lê Văn Sâm	Thôn 10	Lỹ Trạch	2	Chăn nuôi	Suối chảy ra ruộng
27	SD.XT.27	Trại chăn nuôi heo Lê Văn Niên	Thôn 4	Lỹ Trạch	3	Chăn nuôi	Suối chảy ra ruộng
28	SD.XT.28	Trại chăn nuôi Lê Văn Tâm	Thôn 10	Lỹ Trạch	2	Chăn nuôi	Suối chảy ra ruộng
29	SD.XT.29	Khu dân cư Phúc Tự Tây	Phúc Tự Tây	Hoàn Lão	5	Sinh hoạt, chăn nuôi	Mương thoát nước chung của thôn
30	SD.XT.30	Chợ và dân cư xã Đại Trạch	Phúc Tự Đông	Hoàn Lão	3	Sinh hoạt, dịch vụ	Bờ trái sông Dinh
31	SD.XT.31	Trại giống cá nước ngọt Đại Phương	Thôn Phương Hạ	Hoàn Lão	6	Nuôi trồng thủy sản	Mương thoát nước và ra ruộng
32	SD.XT.32	Trung tâm Tam giống vật nuôi Quảng Bình, Trại giống bò lợn Phương Hạ	Thôn Phương Hạ	Hoàn Lão	15	Chăn nuôi	kênh nội đồng
33	SD.XT.33	Trại chăn nuôi heo Hoàng Thị Thu	Thôn Đông Bắc	Hoàn Lão	6	Chăn nuôi	Hồ và ra sông
34	SD.XT.34	Trại nuôi heo Nguyễn Đức Toàn	Đại Nam	Hoàn Lão	5	Chăn nuôi	Ra hồ và thoát ra kênh nội đồng
35	SD.XT.35	Trại nuôi heo Bùi Xuân Thái	Đại Nam	Hoàn Lão	2.0	Chăn nuôi	Hầm tự rút, bể chứa nước tái sinh
36	SD.XT.36	Trại nuôi heo Nguyễn Văn An	Đại Nam	Hoàn Lão	5	Chăn nuôi	Ra hồ và thoát ra kênh nội đồng
37	SD.XT.37	Trại nuôi heo Nguyễn Thị Ngà	Đại Nam	Hoàn Lão	15.0	Chăn nuôi	Ra hồ và thoát ra kênh nội đồng
38	SD.XT.38	CT Cổ phần Tinh bột sắn Quảng Bình	TDP Quyết Tiến	Nam Trạch	844	Sản xuất	Sông Dinh
39	SD.XT.39	DNTN Hương Ngọc	TDP Hữu Nghị	Nam Trạch	18.0	Chế biến mủ cao su	Khe Bãi Cháy
40	SD.XT.40	Trang trại ông Trần Đình Chuẩn	TDP Hữu Nghị	Nam Trạch	18	Chăn nuôi heo	Khe Bãi Cháy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		
Bản đồ đánh giá khả năng chịu tải của sông Dinh		
Bản vẽ số: 2	Tỷ lệ: 1:50.000	Năm: 2026